

KRX

Những thay đổi trọng yếu

Chứng khoán Cơ sở & Phái sinh

I. CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

1. Lệnh ATO/ATC:

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
Lệnh ATO/ATC đang được ưu tiên trước lệnh giới hạn	<ul style="list-style-type: none">• Không được ưu tiên trước lệnh giới hạn (LO) Mua trần/ Bán sàn đã nhập vào hệ thống trước đó khi khớp lệnh• Khối lượng ATO không khớp hoặc khớp không hết sẽ tự hủy• Khối lượng ATC không khớp hoặc khớp không hết sẽ KHÔNG tự hủy

2. Bảng giá phiên KLĐK:

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
Hiển thị 3 giá chào MUA/BÁN tốt nhất của tất cả các lệnh trên sổ lệnh giao dịch	<ul style="list-style-type: none">• Hiển thị 3 giá tốt nhất còn lại của hai bên MUA/BÁN sau khi TRỪ PHẦN DỰ KHỚP• Lệnh ATO/ATC hiển thị tại một mức giá xác định như lệnh LO:<ul style="list-style-type: none">+ Nếu không có lệnh LO trên Bảng giá, Giá ATO/ATC hiển thị là:<ul style="list-style-type: none">Ø Giá khớp lệnh gần nhấtØ Giá tham chiếu (trường hợp chưa có giá khớp gần nhất).<ul style="list-style-type: none">+ Nếu còn dư Mua/Bán của lệnh LO trên Bảng giá, Giá ATO/ATC hiển thị là:<ul style="list-style-type: none">Ø Giá MUA cao nhất +1 đơn vị yết giáØ Giá BÁN thấp nhất -1 đơn vị yết giá

3. Lệnh MTL/PLO

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
Đặt lệnh ký hiệu MP	<ul style="list-style-type: none">• Đặt lệnh ký hiệu MTL• Lệnh MTL không khớp hết, phần còn lại sẽ chuyển thành lệnh LO (Giá LO mới = Giá khớp gần nhất +/-1 đơn vị yết giá)
Khớp lệnh sau giờ PLO: 14h45 - 15h00: Khớp lệnh liên tục	<ul style="list-style-type: none">• Khớp lệnh sau giờ PLO chia thành 2 đợt khớp lệnh:<ul style="list-style-type: none">14h45 - 14h55: Khớp lệnh định kỳ14h55 - 15h00: Khớp lệnh liên tục

4. Sửa/Hủy lệnh:

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
<ul style="list-style-type: none">✓ Sửa giá & khối lượng cùng lúc✓ Thứ tự ưu tiên được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống	<ul style="list-style-type: none">• Không cho phép sửa đồng thời Giá và Khối lượng• Sửa/Hủy lệnh chưa khớp hoặc phần chưa khớp của lệnh trong phiên liên tục theo quy tắc sau:<ul style="list-style-type: none">+ <i>Sửa khối lượng tăng hoặc sửa giá: Thứ tự ưu tiên của lệnh tính lại từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống.</i>+ <i>Sửa khối lượng giảm: Thứ tự ưu tiên của lệnh không thay đổi.</i>

5. Thời gian Khớp lệnh lô lẻ:

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
<ul style="list-style-type: none">✓ Giao dịch khớp lệnh: 09h15 - 11h30 & 13h00-14h30✓ Giao dịch thỏa thuận: 09h15 - 11h30 & 13h00-15h00	<ul style="list-style-type: none">• Giao dịch khớp lệnh lô lẻ tại phiên KLĐK & KLLT: Thời gian: 9h00 – 11h30 & 13h00 – 14h45• Giao dịch thỏa thuận: Thời gian: 9h00 – 11h30 & 13h00 – 15h00

6. Giao dịch thỏa thuận:

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
<ul style="list-style-type: none">✓ Chỉ Bên Bán mới được khởi tạo lệnh✓ Không thể tự hủy lệnh khi đã gửi sang Thành viên đối ứng	<ul style="list-style-type: none">• Bên Mua/Bên Bán đều có thể khởi tạo lệnh• Bên Mua/Bên Bán được hủy lệnh chưa khớp• Lệnh thỏa thuận đặt từ 9h00 - 14h45 và chưa khớp sẽ hết hiệu lực sau 14h45. NĐT cần yêu cầu đặt lại lệnh thỏa thuận ở phiên Giao dịch sau giờ (14h45 – 15h00) nếu có nhu cầu

7. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch:

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
<ul style="list-style-type: none">✓ Chỉ được giao dịch vào phiên chiều theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận✓ Loại lệnh: LO, MP, ATC	<ul style="list-style-type: none">• Thời gian: 09h00 – 14h45• Phương thức giao dịch KLĐK nhiều lần PCA, mỗi đợt kéo dài 15 phút:<ul style="list-style-type: none">+ KLĐK mở cửa: 09h00 – 09h15, KLĐK 1: 9h00 – 9h15, KLĐK 2: 9h15 – 9h30, ..., KLĐK 9: 11h15 – 11h30+ <i>Nghỉ giữa phiên</i>: 11h30 – 13h00+ KLĐK 10: 13h00 – 13h15, KLĐK 11: 13h15 – 13h30, ..., KLĐK 15: 14h15 – 14h30, KLĐK đóng cửa: 14h30 – 14h45• Chỉ cho phép sử dụng lệnh giới hạn (LO) trong các đợt KLĐK PCA• Không cho phép NĐT sửa, hủy lệnh trong 5 phút cuối đợt KLĐK PCA

8. Room Nhà đầu tư Nước ngoài:

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
Room chỉ giảm sau khi lệnh mua của NĐTNN được thực hiện khớp	<ul style="list-style-type: none">• Room giảm ngay khi lệnh mua NĐTNN được nhập vào hệ thống (NĐTNN mua & NĐTNN bán)• Room tăng lên sau ngày thanh toán khi có lệnh bán NĐTNN được khớp (NĐTNN bán & NĐTNN mua)• Room tăng ngay khi NĐTNN hủy lệnh mua hoặc NĐTNN từ chối lệnh mua của NĐTNN• Room không đổi khi GDTT giữa 02 NĐTNN

(*) Ghi chú:

- *KLĐK*: Khớp lệnh định kỳ
- *KLLT*: Khớp lệnh liên tục
- *NĐTNN*: Nhà đầu tư nước ngoài
- *NĐTNN*: Nhà đầu tư trong nước
- *CR* = Room nước ngoài

II. CHỨNG KHOÁN PHÁT SINH

1. Tài khoản mở mới

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
Giao dịch vào ngày tiếp theo sau ngày mở tài khoản thành công	<ul style="list-style-type: none">Giao dịch ngay trong ngày mở tài khoản thành công

2. Các loại Phí

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
Phí quản lý vị thế qua đêm (trả VSDC) = 2.550 đồng/hợp đồng/ngày	<ul style="list-style-type: none">Phí quản lý vị thế qua đêm (trả VSDC) = 0 đồngPhí dịch vụ bù trừ chứng khoán phát sinh khi phát sinh 1 hợp đồng = 2.550 đồng/hợp đồng vị thế

3. Ký quỹ

Hệ thống cũ	Hệ thống KRX
Trước khi mở vị thế: Khách hàng nộp tiền vào TKPS và phải nộp ký quỹ lên VSDC	<ul style="list-style-type: none">Bước 1: Khách hàng nộp tiền vào tiểu khoản 50Bước 2: Khách hàng thực hiện giao dịch mở vị thế <p><i>(Hệ thống sẽ tự động ghi nhận sức mua mà Khách hàng không cần chuyển tiền sang tiểu khoản 51 để ký quỹ VSDC)</i></p>

4. Quy định MÃ HỢP ĐỒNG Phái sinh

Các mã giao dịch đã niêm yết trước thời điểm vận hành hệ thống mới sẽ giữ nguyên

Các mã giao dịch niêm yết sau thời điểm vận hành hệ thống mới sẽ được đánh mã theo quy định mới, cụ thể như sau:

Vị trí ký tự (Độ dài)	Thông tin	Quy ước
1 (1)	Loại chứng khoán	CKPS = 4
2 (1)	Nhóm chứng khoán Phái sinh	HĐTL = 1
3 (2)	Tài sản cơ sở	VN30 = I1 GB05 = B5 GB10 = B10
5 (1)	Năm đáo hạn	[2010] 0 [2016] 6 [2022] C [2028] J [2034] Q [2011] 1 [2017] 7 [2023] D [2029] K [2035] R [2012] 2 [2018] 8 [2024] E [2030] L [2036] S [2013] 3 [2019] 9 [2025] F [2031] M [2037] T [2014] 4 [2020] A [2026] G [2032] N [2038] V [2015] 5 [2021] B [2027] H [2033] P [2039] W
6 (1)	Tháng đáo hạn	[01] 1 [02] 2 [03] 3 [04] 4 [05] 5 [06] 6 [07] 7 [08] 8 [09] 9 [10] A [11] B [12] C
7 (3)	Định danh của chứng khoán phái sinh	HĐTL = 000

Ví dụ: VN30 Index Futures đáo hạn tháng 07/2025 hiển thị trên bảng giá Mã HĐ: **4111F7000**